

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TRUYỀN THÔNG APO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TRUYỀN THÔNG APO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: APO MEDIA AND INVEST JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: APO JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109238610

3. Ngày thành lập: 24/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26 Ngõ 102 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942492000

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình thủy	4291
2.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
3.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
4.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
5.	Phá dỡ	4311
6.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
7.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
9.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
12.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
13.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
14.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
15.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
16.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
17.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
18.	Thu gom rác thải độc hại	3812
19.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
20.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822

21.	Tái chế phế liệu	3830
22.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
23.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện -Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm -Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao -Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
28.	Bán buôn thực phẩm	4632
29.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy	4541
30.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: -Bán buôn xi măng; -Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; -Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; -Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
31.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
32.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
33.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất phong bì, bưu thiếp -Sản xuất giấy viết, giấy in -Sản xuất giấy lọc và bìa giấy	1709
34.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
35.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
36.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
37.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
39.	Hoạt động chiếu phim	5914

40.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
41.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
42.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
43.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
44.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
45.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
46.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
47.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
48.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
49.	Sao chép bản ghi các loại	1820
50.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
51.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
52.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
53.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
54.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
55.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
56.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
57.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
58.	Bán buôn đồ uống	4633
59.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
60.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
63.	Bốc xếp hàng hóa	5224
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
65.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
66.	Cơ sở lưu trú khác	5590
67.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
68.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
69.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
70.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
71.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế (trừ hoạt động kiểm toán, kế toán)	6920
72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211

73.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
74.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
75.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
76.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
77.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
78.	Đại lý du lịch	7911
79.	Điều hành tua du lịch	7912
80.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
81.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
82.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
83.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
84.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
85.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
86.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
87.	Dịch vụ đóng gói	8292
88.	Giáo dục nhà trẻ	8511
89.	Giáo dục mẫu giáo	8512
90.	Đào tạo sơ cấp	8531
91.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
92.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
93.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
94.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
95.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
96.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
97.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
98.	Quảng cáo (trừ loại Nhà nước cấm)	7310(Chính)
99.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
100.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
101.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất video; Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo pháp luật quy định)	5911
102.	Hoạt động hậu kỳ	5912

103.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
104.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; -Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
105.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	7320
106.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
107.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư; -Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (trừ hoạt động ủy thác về đầu tư , kinh doanh tài chính, chứng khoán, tín dụng)	6619
108.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
109.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
110.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
111.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển	7730
112.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
113.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
114.	Lập trình máy vi tính	6201
115.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
116.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất và phát triển phần mềm	5820
117.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động của nhà báo độc lập)	9000
118.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi; -Bán buôn phần mềm.	4651
119.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
120.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
121.	In ấn	1811

122.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại	7490
123.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
124.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
125.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất -Thiết kế thời trang	7410
126.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
127.	Xây dựng nhà để ở	4101
128.	Xây dựng nhà không để ở	4102
129.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
130.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
131.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
132.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
133.	Xây dựng công trình điện	4221
134.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TIỀN MẠNH	Số 3 Ngõ 25 Lương Khánh Thiện, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	90,000	001073023389	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	90,000		
2	NGUYỄN VŨ TRANG NHUNG	Số 25 Ngõ 61 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	5,000	001300003696	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.000	50.000.000	5,000		

3	NGUYỄN QUYẾT	Số nhà 26 ngách 21 Ngõ 298 đường Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điền, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	5,000	B6952529
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	5.000	50.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/06/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001073023389

Ngày cấp: 02/03/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3 Ngõ 25 Lương Khánh Thiện, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3 Ngõ 25 Lương Khánh Thiện, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội